

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 12/2024/DS-GĐT

Ngày 22/4/2024

V/v Tranh chấp tài sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hà - Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Minh;

Ông Nguyễn Hồng Nam;

Ông Nguyễn Văn Dũng;

Bà Lương Ngọc Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sơn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp tài sản thừa kế*” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc K, sinh năm 1947;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1966 (Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2017);

- Bị đơn: Ông Phạm Ngọc P, sinh năm 1960;

Cùng cư trú tại: Số 614, đường Trần Quý C, phường Ninh H, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Ngọc T; cư trú tại: Số 614, đường Trần Quý C, phường Ninh H, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bà Phạm Thị P2 (chết ngày 10/7/2020), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà P2 là ông Lương Công T1, anh Lương Hoàng Minh S, anh Lương Hoàng Mộng L, anh Lương Hoàng Minh T2 và anh Lương Hoàng Minh

H; cùng cư trú tại: Tập đoàn 6, thôn Tân L, xã Ninh S, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa.

3. Bà Phạm Thị L1; cư trú tại: Tổ dân phố 1, phường Ninh H, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa.

4. Bà Phạm Thị C; cư trú tại: Thôn Thạch T, xã Ninh Q, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa.

5. Bà Phạm Thị L2; cư trú tại: Tổ 3, thôn Mỹ L, xã Ninh L, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa.

6. Bà Phạm Thị B; cư trú tại: Tổ dân phố 3, phường Ninh H, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa.

7. Chị Phạm Thị N, anh Phạm Ngọc N1, anh Phạm Ngọc Đ, anh Phạm Ngọc P2, anh Nguyễn Văn M, chị Phạm Thị Ngọc M1, anh Phạm Ngọc P3; cùng cư trú tại: Số 30A, đường Lý Thánh T, phường Vạn T, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa.

8. Ông Phạm Ngọc C1; cư trú tại: Số 96, Tổ 4 Ba L, phường Vĩnh H, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa.

9. Chị Võ Thị X, chị Võ Thị V, anh Võ Đức T3, chị Võ Thị L3, anh Võ T4; cùng cư trú tại: Thôn Long H, xã Vạn L, huyện Vạn N, tỉnh Khánh Hòa.

10. Chị Võ Thị H1; cư trú tại: Thôn Hải T, xã Vạn L, huyện Vạn N, tỉnh Khánh Hòa.

11. Anh Võ T5; cư trú tại: thôn Xuân T, xã Diên X, huyện Diên K, tỉnh Khánh Hòa.

12. Ông Trần Hữu P4, anh Trần Văn D, anh Trần Văn A, chị Trần Thị Kim L4, chị Trần Thị Kim L5; cùng cư trú tại: Thôn Phước L, xã Ninh X, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa.

13. Bà Trần Thị T6, anh Phạm Minh H2, Phạm Minh N2; cùng cư trú tại: Số 614, đường Trần Quý C, phường Ninh H, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa.

14. Bà Đặng Thị H3; cư trú tại: Số 614, đường Trần Quý C, phường Ninh H, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa.

15. Ông Trịnh A1, bà Nguyễn Thị H4; cư trú tại: Tổ dân phố 1, phường Ninh H, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa.

16. Ông Lê Văn T7, bà Lê Thị Mộng T8; cùng cư trú tại: Số 711, đường Trần Quý C, Tổ dân phố 2, phường Ninh H, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa.

17. Ông Lê B1, bà Phan Thị Hồng Y; cùng cư trú tại: Thôn Phong T, xã Ninh L, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/7/2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng,

nguyên đơn là ông Phạm Ngọc K ủy quyền cho ông Phạm Ngọc T trình bày:

Cụ Phạm V1 (chết năm 1992), cụ Lê Thị N3 (chết năm 1937) có 02 người con chung là ông Phạm T9 (chết năm 2014), bà Phạm Thị L6 (chết năm 1992). Ông T9 có vợ là bà Nguyễn Thị N4 (chết năm 2020) và các con là chị Phạm Thị N, anh Phạm Ngọc N1, anh Phạm Ngọc C1, anh Phạm Ngọc Đ, anh Phạm Ngọc P2, anh Nguyễn Văn M, chị Phạm Thị Ngọc M1, anh Phạm Ngọc P3, chị Phạm Thị Ngọc C2 (định cư tại Hoa Kỳ, chết năm 2019, có 01 người con, nhưng không rõ tin tức). Bà L6 có 07 người con gồm chị Võ Thị X, chị Võ Thị V, anh Võ Đức T3, chị Võ Thị L3, anh Võ T4, chị Võ Thị H1, anh Võ T5. Sau khi cụ N3 chết, cụ V1 kết hôn với cụ Nguyễn Thị T10 (chết năm 2012) có 08 con chung là ông Phạm Ngọc K, bà Phạm Thị P (chết năm 2020, có chồng là ông Lương Công T1 và các con là anh Lương Hoàng Minh T2, anh Lương Hoàng Minh S, anh Lương Hoàng Mộng L, anh Lương Hoàng Minh H), bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị L2, bà Phạm Thị B, ông Phạm Ngọc P, bà Phạm Thị L1, ông Phạm Ngọc T. Ngoài ra, cụ T10 còn có 02 người con riêng là ông Trần Hữu P4, ông Trần N5 (ông N5 chết trước cụ T10, có các con là chị Trần Thị Kim L4, anh Trần Văn D, chị Trần Thị Kim L5, anh Trần Văn A).

Tài sản do cụ Phạm V1, cụ Lê Thị N3, cụ Nguyễn Thị T10 tạo lập là diện tích khoảng 1.500m² đất (theo số liệu của Hội đồng đăng ký ruộng đất năm 1985), tổng diện tích khai hoang thực tế khoảng 2.400m² đất tại số 614, đường Trần Quý C, phường Ninh H, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa. Năm 2015, ông Phạm Ngọc T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị T10 và đã được Tòa án giải quyết công nhận 673m² đất là phần di sản của cụ T10. Diện tích 1.727 m² đất còn lại là di sản của cụ V1, cụ N3 gồm các thửa số 151, 152, 153, 154, 180. Ông K yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với phần di sản do cụ V1 để lại tại số 614, đường Trần Quý C, phường Ninh H, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa cho các hàng thừa kế theo quy định pháp luật và yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Bị đơn là ông Phạm Ngọc P trình bày:

Ông P nhất trí với trình bày của ông Phạm Ngọc K về huyết thống gia đình. Toàn bộ tài sản của cụ V1 đã được định đoạt khi còn sống theo “Trích yếu Giấy ủy quyền cho phần đất viên gia để con trai xây dựng nhà ở” ngày 20/8/1991 (gọi tắt là Giấy ủy quyền cho đất ngày 20/8/1991). Ông P có chuyển nhượng 208m² đất cho ông Trịnh A1 và hiện nay đang quản lý 846,8m² đất. Ông P không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Ngọc T, bà Phạm Thị P, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị L2, bà Phạm Thị L1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Phạm Ngọc K. Ngoài ra, ông T cho rằng do bị ông P ép buộc ký vào Giấy ủy quyền cho đất ngày 20/8/1991.

- Chị Phạm Thị N, anh Phạm Ngọc Đ và anh Phạm Ngọc C1 trình bày: Về

nguồn gốc đất nguyên đơn tranh chấp là của cụ V1, cụ N3 để lại. Phần của cụ T10 đã được xác định và giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật. Từ trước cho đến khi chết bà Nguyễn Thị N4 ở trên căn nhà cấp 4 từ năm 1960, lợp ngói cũ, tường gạch tại lô số 2 theo bản vẽ năm 2019. Hiện nay, ông K thỉnh thoảng vào ở trong căn nhà; diện tích đất là do ông T9 nộp thuế đất từ năm 2012 đến năm 2014 ông T9 chết thì bà N4 tiếp tục nộp thuế đến khi bà N4 chết. Cụ Phạm V1 chết ngày 25 tháng Chạp (âm lịch) không rõ năm. Lô đất tranh chấp cụ V1 chưa phân chia cho ai vì Giấy ủy quyền cho đất ngày 20/8/1991 đứng tên cụ V1 cho ông P là không hợp pháp.

- Bà Phạm Thị C trình bày: Bà C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K vì khi còn sống cụ V1 đã định đoạt toàn bộ đất cho ông P.

- Ông Trần Hữu P4, anh Trần Văn D, chị Trần Thị Kim L5, chị Trần Thị Kim L4 trình bày: Cụ T10 có con với ông Trần C3 (chết) gồm ông Trần Hữu P4 và ông Trần N5 (ông N5 chết trước cụ T10; ông N5 có con là anh D, chị L4, anh A, chị L5).

- Chị Võ Thị L3, chị Võ Thị H1, chị Võ Thị V, anh Võ Đức T3 trình bày: Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ V1 thì yêu cầu Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi của các anh chị là các thừa kế của bà L6.

- Bà Trần Thị T6 trình bày: Bà và ông Phạm Ngọc P là vợ chồng đã ly hôn năm 2017. Hiện bà ở tại nhà số 614B tại phần nhà do bà và ông P xây trên đất cụ V1 cho. Nội dung trong giấy ủy quyền cho đất đã nộp cho Tòa án trước đó có sự không chính xác về số liệu, diện tích là do bà ghi thêm số diện tích, chiều ngang, chiều dài. Bà không biết ai giữ giấy này.

- Bà Nguyễn Thị H4 và ông Trịnh A1 trình bày: Ông, bà có thuê đất của ông P để mở quán cà phê, sau đó ông P sang nhượng 400m² đất bằng giấy viết tay ngày 01/10/2017 cho ông bà, giá 2.800.000.000 đồng. Do có sự tranh chấp của gia đình ông P ảnh hưởng đến việc sang tên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 02/2018, ông bà đã giao 1.154.000.000 đồng nhưng cuối năm ông P và ông bà thống nhất trả lại đất 100m² cho ông P. Cho dù Tòa án xử ai thừa hưởng thì toàn bộ nhà đất trên 300m² do vợ chồng bà H4 xây dựng không liên quan đến ông P và ông K tranh chấp. Ngày 09/5/2019, ông bà chuyển nhượng cho ông Lê B1 và Phan Thị Hồng Y 100m² giá 1.000.000.000 đồng. Ông B1, bà Y đã giao đủ tiền và nhận đất quản lý sử dụng. Nếu phần thừa kế của ông Ph1 được chia lớn hơn 100m² thì yêu cầu ông P giao đất cho ông bà. Nếu từ 100m² đến dưới 200m² thì yêu cầu giao đất cộng giá trị đất thiếu, nếu nhỏ hơn 100m² thì yêu cầu trả lại giá trị 200m² theo giá thị trường tại biên bản định giá.

- Ông Lê Văn T7, bà Phan Thị Mộng T8 trình bày: Năm 2018 ông A, bà H4 nợ bà 1.200.000.000 đồng. Hai bên lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với 100m² đất của ông A1, bà H4 ngày 22/7/2019, hợp đồng này chưa được công chứng.

- Ông Lê B1, bà Phan Thị Hồng Y trình bày: Vì ông A1, bà H4 nợ ông bà 1.000.000.000 đồng nên hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 100m² đất của ông A1, bà H4 có nguồn gốc do ông A1, bà H4 nhận chuyển nhượng của ông Phạm Ngọc P. Vợ chồng bà cản trở nợ cho ông A1, bà H4.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 23/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc K về chia di sản thừa kế của cụ Phạm V1.

1. *Xác định tài sản của cụ Phạm V1 trong khối tài sản chung với cụ Lê Thị N3 trong 2/3 giá trị căn nhà cấp 4 và quyền sử dụng đất diện tích đất 1.627,1m² tại thửa 151 (một phần), thửa 152, 153, 154 (một phần) tờ bản đồ 41, địa chỉ 614 đường Trần Quý C, phường Ninh H, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa.*

2. *Xác định di sản của cụ Phạm V1 là 1/3 giá trị nhà từ đường và quyền sử dụng đất diện tích 471,1m² trong đó đất ở đô thị 278,1m² (Lô 3B, lô 4, một phần lô 5) và đất nông nghiệp cây lâu năm 193,0m² (một phần lô 5 có 22,4m², một phần lô 6 có 170,6m²). (Có sơ đồ phân chia kèm theo Trích đo địa chính thửa đất xác nhận ngày 22/5/2019). Tổng giá trị di sản là 11.553.395.000 đồng.*

3. *Xác định tài sản của cụ Lê Thị N3 600m² trong đó đất ở đô thị 478,3m² gồm diện tích 396,9m² ký hiệu lô 2A (một phần lô 2) và 90,4m² ký hiệu lô 3A (một phần lô 3) và đất nông nghiệp cây lâu năm 112,7m² ký hiệu lô 6A (một phần lô 6) và 1/3 giá trị nhà từ đường. (Có sơ đồ phân chia kèm theo Trích đo địa chính thửa đất xác nhận ngày 22/5/2019).*

4. *Xác định diện tích đất của cụ V1 đã cho ông Phạm Ngọc P 456,0m² đất ở đô thị ký hiệu lô 3C (một phần lô 3) (Có sơ đồ phân chia kèm theo Trích đo địa chính thửa đất xác nhận ngày 22/5/2019).*

5. *Xác định diện tích đất của cụ V1 đã cho ông Phạm T9 100m² đất ở đô thị ký hiệu lô 2B (một phần lô 2). (Có sơ đồ phân chia kèm theo Trích đo địa chính thửa đất xác nhận ngày 22/5/2019).*

6. *Chia hiện vật:*

a) *Chia hiện vật cho ông Phạm Ngọc K 156,9m² đất (trong đó đất ở đô thị 134,5m² và đất nông nghiệp cây lâu năm 22,4m²) giá trị: 4.484.646.000 đồng và sở hữu tài sản trên đất gồm căn nhà diện tích 34,1m² mái lợp tôn, khung kèo thép, tường xây gạch, nền lát gạch men và vật kiến trúc mái che 20,6m² mái lợp tôn, khung kèo thép, vách tôn, nền láng xi măng và công trình sân láng xi măng diện tích 34,3m². Ký hiệu lô 5 (Có sơ đồ phân chia kèm theo Trích đo địa chính thửa đất xác nhận ngày 22/5/2019).*

b) *Chia hiện vật cho ông Phạm Ngọc P 143,6m² (loại đất ở) trong đó 96,7m² ký hiệu lô 4 và 46,9m² ký hiệu lô 3B (một phần lô 3) giá trị 4.420.008.000 đồng (Có sơ đồ phân chia kèm theo Trích đo địa chính thửa đất xác nhận ngày 22/5/2019, tài sản trên đất không phải là di sản).*

c) Chia hiện vật cho những người thừa kế của ông Phạm T9 là bà Nguyễn Thị N4, chị Phạm Thị N, anh Phạm Ngọc N1, anh Phạm Ngọc Đ, anh Phạm Ngọc P2, anh Nguyễn Văn M, chị Phạm Thị Ngọc M1, anh Phạm Ngọc P3, chị Phạm Thị Ngọc C2 170,6m² đất nông nghiệp cây lâu năm giá trị 2.625.534.000 đồng. Ký hiệu lô 6B và căn nhà từ đường diện tích có giá trị di sản (1/3 giá trị căn nhà) 23.207.000 đồng trên lô 2. Tổng giá trị di sản được hưởng: 2.648.741.000 đồng (Có sơ đồ phân chia kèm theo Trích đo địa chính thừa đất xác nhận ngày 22/5/2019).

Các đương sự được chia di sản bằng hiện vật trong phạm vi ranh giới đã thu hồi và tạm thời sử dụng đối với phần đất ngoài ranh giới liền kề chịu trách nhiệm với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai.

7. Thanh toán kỷ phần:

- Ông Phạm Ngọc K có nghĩa vụ giao giá trị kỷ phần cho bà Phạm Thị P, bà Phạm Thị L2, bà Phạm Thị B mỗi người 1.050.308.000 đồng và một phần kỷ phần của cụ T10 282.970.000 đồng

- Ông Phạm Ngọc K có nghĩa vụ thanh toán giá trị công trình nhà, mái che và sân trên lô 5 cho ông Phạm Ngọc P 55.574.000 đồng.

- Ông Ph1 có nghĩa vụ giao giá trị kỷ phần cho bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị L1, ông Phạm Ngọc T mỗi người 1.050.308.000 đồng và một phần kỷ phần của cụ T 218.332.000 đồng.

- Các anh chị Phạm Thị N, Phạm Ngọc N1, Phạm Ngọc Đ, Phạm Ngọc C1, Phạm Ngọc P2, Nguyễn Văn M, Phạm Thị Ngọc M1, Phạm Ngọc P3, Phạm Thị Ngọc C2 giao kỷ phần 1.050.308.000 đồng cho các anh chị Võ Thị X, Võ Thị V, Võ Đức T3, Võ Thị L3, Võ Thị H1, Võ T4, Võ T5 và một phần giá trị kỷ phần của cụ Nguyễn Thị T10 547.981.000 đồng do ông T quản lý phần di sản của cụ T10.

8. Quản lý tài sản và kỷ phần của người chết:

- Tạm giao giá trị kỷ phần của cụ Nguyễn Thị T10 cho ông Phạm Ngọc T quản lý (khi ông K, ông P và những người con của ông Phạm T9 giao).

- Tạm giao giá trị kỷ phần của bà Phạm Thị P cho ông Lương Công T1, anh Lương Hoàng Minh S, anh Lương Hoàng Minh T2, anh Lương Hoàng Minh H, anh Lương Hoàng Mộng L quản lý.

- Tạm giao giá trị kỷ phần của bà Phạm Thị L6 cho các con của bà L6 gồm chị Võ Thị X, chị Võ Thị V, anh Võ Đức T3, chị Võ Thị L3, chị Võ Thị H1, anh Võ T4, anh Võ T5 quản lý.

- Tạm giao tài sản của cụ Lê Thị N3 cho các anh chị Phạm Thị N, Phạm Ngọc N1, Phạm Ngọc Đ, Phạm Ngọc C1, Phạm Ngọc P2, Nguyễn Văn M, Phạm Thị Ngọc M1, Phạm Ngọc P3 quản lý.

9. Buộc ông Phạm Ngọc P tháo dỡ vật kiến trúc trên lô 3A, lô 6A tài sản

của cụ N3 và lô 6B phân chia cho những người thừa kế của ông Phạm T9.

Buộc ông Phạm Ngọc P mở lối đi cho bà Trần Thị T6, anh Phạm Minh H2, anh Phạm Minh N2 trong phạm vi đất xác định cụ V1 cho thuộc lô 3C.

10. Không xét các giao dịch giữa ông P, bà H3 với ông A1, bà H4 và giữa ông A1, bà H4 với ông T7, bà T8 và ông B1, bà Y vì không có yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/10/2020, ông Phạm Ngọc P, bà Phạm Thị C có đơn kháng cáo.

Ngày 07/10/2020, anh Phạm Ngọc Đ có đơn kháng cáo.

Các ngày 06, 07 và 26/10/2020, bà Trần Thị T6, anh Phạm Minh N2, anh Phạm Minh H2 có đơn kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 182/2021/DS-PT ngày 21/10/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Ngọc Đ và bà Phạm Thị C; chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Minh N2 và anh Phạm Minh H2; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Ngọc P, bà Trần Thị T6; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc K về chia di sản thừa kế của cụ Phạm V1.

1. Xác định tài sản của cụ Phạm V1 trong khối tài sản chung với cụ Lê Thị N3 là 2/3 giá trị căn nhà cấp 4 và quyền sử dụng đất diện tích đất 1.627,1m² tại thửa 151 (một phần), thửa 152, 153, 154 (một phần) tờ bản đồ 41, địa chỉ 614 đường Trần Quý C, phường Ninh H, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa.

2. Xác định di sản của cụ V1 là 1/3 giá trị nhà từ đường và quyền sử dụng đất diện tích 471,1m²; trong đó đất ở đô thị 278,1m² (Lô 3B có 46,9m², lô 4 có 96,7m², một phần lô 5 có 134,5m²) và đất nông nghiệp cây lâu năm 193m² (một phần lô 5 có 22,4m², lô 6B có 170,6m²). (Có sơ đồ phân chia kèm theo Trích đo địa chính thửa đất xác nhận ngày 22/5/2019). Tổng giá trị di sản là 11.553.395.000 đồng.

3. Xác định tài sản của cụ N3 600m²; trong đó đất ở đô thị 487,3m² (Lô 2A có 396,9m², lô 3A có 90,4m²) và đất nông nghiệp cây lâu năm 112,7m² (Lô 6A) và 1/3 giá trị nhà từ đường. (Có sơ đồ phân chia kèm theo Trích đo địa chính thửa đất xác nhận ngày 22/5/2019).

4. Xác định diện tích đất của cụ V1 đã cho ông Ph1 456,0m² đất ở đô thị (Lô 3C) (Có sơ đồ phân chia kèm theo Trích đo địa chính thửa đất xác nhận ngày 22/5/2019).

5. Xác định diện tích đất của cụ V1 đã cho ông Phạm T9 100,0m² đất ở đô

thị (Lô 2B). (Có sơ đồ phân chia kèm theo Trích đo địa chính thừa đất xác nhận ngày 22/5/2019).

6. Chia hiện vật:

a) Chia hiện vật cho ông Phạm Ngọc K 156,9m² đất (lô 5) trong đó đất ở đô thị 134,5m² và đất nông nghiệp cây lâu năm 22,4m² giá trị: 4.484.646.000 đồng và sở hữu tài sản trên đất gồm căn nhà diện tích 34,1m² mái lợp tôn, khung kèo thép, tường xây gạch, nền lát gạch men và vật kiến trúc mái che 20,6m² mái lợp tôn, khung kèo thép, vách tôn, nền láng xi măng và công trình sân láng xi măng diện tích 34,3m² (Có sơ đồ phân chia kèm theo Trích đo địa chính thừa đất xác nhận ngày 22/5/2019).

b) Chia hiện vật cho ông Phạm Ngọc P 143,6m² đất ở đô thị, trong đó có 96,7m² (lô 4) và 46,9m² (lô 3B) giá trị 4.420.008.000 đồng (Có sơ đồ phân chia kèm theo Trích đo địa chính thừa đất xác nhận ngày 22/5/2019, tài sản trên đất không phải là di sản).

c) Chia hiện vật cho ông Phạm Ngọc P 170,6m² (lô 6B) đất nông nghiệp cây lâu năm giá trị: 2.625.534.000 đồng và căn nhà từ đường diện tích có giá trị di sản (1/3 giá trị căn nhà) 23.207.000 đồng trên lô 2; tổng giá trị là 2.648.741.000 đồng. (Có sơ đồ phân chia kèm theo Trích đo địa chính thừa đất xác nhận ngày 22/5/2019).

Các đương sự được chia di sản bằng hiện vật trong phạm vi ranh giới đã thu hồi và tạm thời sử dụng đối với phần đất ngoài ranh giới liền kề chịu trách nhiệm với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai.

6. Thanh toán kỹ phần:

- Ông Phạm Ngọc K có nghĩa vụ giao giá trị kỹ phần cho bà Phạm Thị P, bà Phạm Thị L2, bà Phạm Thị B mỗi người 1.050.308.000 đồng, và một phần kỹ phần của cụ T10 283.414.000 đồng .

- Ông Phạm Ngọc K có nghĩa vụ thanh toán giá trị công trình nhà, mái che và sân trên lô 5 cho ông Phạm Ngọc P 55.574.000 đồng.

- Ông Phạm Ngọc P có nghĩa vụ giao giá trị kỹ phần cho bà Phạm Thị C1, bà Phạm Thị L1, ông Phạm Ngọc T mỗi người 1.050.308.000 đồng và một phần kỹ phần của cụ Th1 218.776.000 đồng.

- Ông Phạm Ngọc P có nghĩa vụ giao giá trị kỹ phần 1.050.308.000 đồng cho những người thừa kế của ông Phạm T9 là bà Nguyễn Thị N4, chị Phạm Thị N, anh Phạm Ngọc N1, anh Phạm Ngọc Đ, anh Phạm Ngọc C1, anh Phạm Ngọc P2, anh Nguyễn Văn M, chị Phạm Thị Ngọc M1, anh Phạm Ngọc P3, chị Phạm Thị Ngọc C2; giao giá trị kỹ phần 1.050.308.000 đồng cho những người thừa kế của bà Phạm Thị L6 là chị Võ Thị X, chị Võ Thị V, anh Võ Đức T3, chị Võ Thị L3, chị Võ Thị H1, anh Võ T4, anh Võ T5; giao một phần giá trị kỹ phần là 548.125.000 đồng cho cụ Nguyễn Thị T10.

8. Quản lý tài sản và kỹ phần của người chết:

- Tạm giao giá trị kỷ phần của cụ Nguyễn Thị T10 cho ông Phạm Ngọc T quản lý (khi ông K, ông P giao).

- Tạm giao giá trị kỷ phần của bà Phạm Thị P cho ông Lương Công T1, anh Lương Hoàng Minh S, anh Lương Hoàng Minh T2, anh Lương Hoàng Minh H, anh Lương Hoàng Mộng L quản lý (khi ông K giao).

- Tạm giao giá trị kỷ phần của bà Phạm Thị L6 cho các con của bà L6 gồm chị Võ Thị X, chị Võ Thị V, anh Võ Đức T3, chị Võ Thị L3, chị Võ Thị H1, anh Võ T4, anh Võ T5 quản lý (khi ông P giao).

- Tạm giao giá trị kỷ phần của ông Phạm T9 là bà Nguyễn Thị N4, chị Phạm Thị N, anh Phạm Ngọc N1, anh Phạm Ngọc Đ, anh Phạm Ngọc C1, anh Phạm Ngọc P2, anh Nguyễn Văn M, chị Phạm Thị Ngọc M1, anh Phạm Ngọc P3, chị Phạm Thị Ngọc C1 cho anh Phạm Ngọc Đ quản lý (khi ông P giao).

- Tạm giao tài sản của cụ Lê Thị N3 cho các anh chị Phạm Thị N, Phạm Ngọc N1, Phạm Ngọc Đ, Phạm Ngọc C1, Phạm Ngọc P2, Nguyễn Văn M, Phạm Thị Ngọc M1, Phạm Ngọc P3 quản lý.

9. Buộc ông Phạm Ngọc P tháo dỡ vật kiến trúc trên lô 3A, lô 6A tài sản của cụ N1.

10. Bà Trần Thị T6, anh Phạm Minh H2 và anh Phạm Minh N2 được tiếp tục sử dụng lối đi từ đường Trần Quý C vào nhà theo như ý chí của cụ V1 vào năm 1991; cụ thể gồm 02 đoạn:

10.1. Đoạn đi chung từ đường Trần Quý C vào đất bà Nam theo hướng Đông-Tây có diện tích $35,01m^2 \{ (2,5m + 3,5m) : 2 \times (9,17m + 2,50m) \}$;

10.2. Đoạn đi riêng của gia đình bà T6 từ đất cụ N1 vào nhà bà T6, anh H2, anh N2 theo hướng Nam-Bắc có diện tích $21,2m^2 (2,5m \times 8,48m)$.

(Kèm theo Trích đo địa chính thừa đất do Công ty TNHH đo đạc bản đồ và DVTM Chiến T xác lập ngày 22/5/2019).

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/12/2021, anh Phạm Ngọc Đ có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 19/QĐ-VKS-DS ngày 21/11/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 182/2021/DS-PT ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử theo hướng hủy Bản án dân sự phúc thẩm về phần chia $170,6m^2$ đất (lô 6B) và căn nhà từ đường thuộc lô 2 bằng hiện vật cho ông Phạm Ngọc P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về phần chia $170,6m^2$ đất (lô 6B) và căn nhà từ đường thuộc lô 2 bằng hiện vật cho những người thừa kế của ông Phạm T9.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chia hiện vật cho những người thừa kế của ông Phạm T9 là bà Nguyễn Thị N4, chị Phạm Thanh N, anh Phạm Ngọc N1, anh Phạm Ngọc Đ, anh Phạm Ngọc P2, anh Nguyễn Văn M, chị Phạm Thị Ngọc M1, anh Phạm Ngọc P3, chị Phạm Thị Ngọc C1 được quyền sử dụng diện tích 170,6m² đất nông nghiệp cây lâu năm trị giá 2.625.534.000 đồng (ký hiệu lô 6B). Phần quyết định chia hiện vật này không bị kháng cáo, kháng nghị, chỉ có anh Đ kháng cáo rằng một trong các thừa kế của ông Phạm T9 là chị C1 (định cư tại Hoa Kỳ, hiện đã chết, có 1 con nhưng không có tin tức) không đủ điều kiện nhận hiện vật là quyền sử dụng đất nông nghiệp, đề nghị chia bằng giá trị và tạm giao một trong các thừa kế của ông T9 quản lý.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Ngọc P đề nghị được nhận thừa kế bằng hiện vật đối với diện tích 170,6m² đất nông nghiệp (lô 6B) và căn nhà từ đường (trên lô 2) và trả giá trị di sản cho các thừa kế của ông Phạm T9. Ông Phạm Ngọc K xác định diện tích 170,6m² đất nông nghiệp (lô 6B) thuộc phần hưởng của các thừa kế của ông T9 nên không có ý kiến, còn các thừa kế của ông Phạm T9 vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm nhận định Tòa án cấp sơ thẩm chia 170,6m² đất nông nghiệp cho các thừa kế của ông T9 là phù hợp, không chấp nhận kháng cáo của anh Đ, nhưng lại sửa Bản án dân sự sơ thẩm về phần này, chia diện tích 170,6m² đất nông nghiệp cây lâu năm cho ông P, ông P thanh toán giá trị cho các thừa kế của ông Phạm T9 là mâu thuẫn, vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm và không đảm bảo quyền lợi của các thừa kế của ông T9.

[3] Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định căn nhà từ đường diện tích 100m² trên lô 2 (lô 2B theo Sơ đồ thửa đất phân chia và Trích đo địa chính thửa đất ngày 22/5/2019) là di sản của cụ V1, cụ N3, cụ T10, mỗi cụ có 1/3 giá trị căn nhà; phần diện tích đất 100m² (lô 2B) cụ V1 đã cho ông T9 tại Văn bản hợp gia đình ngày 08/4/1989 nên không còn là di sản. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm lại quyết định giao căn nhà từ đường diện tích 100m² trên lô 2B cho ông P, trong khi Tòa án đã xác định diện tích 100m² đất (lô 2B) là của ông T9 (nay thuộc quyền sử dụng của các thừa kế của ông T9) là không thể thi hành án được và không đảm bảo quyền lợi của các thừa kế của ông T9.

[4] Do đó, Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về các nội dung trên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, khoản 2 Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 19/QĐ-VKS-DS ngày 21/11/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Hủy một phần Bản án dân sự phúc thẩm số 182/2021/DS-PT ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về phần giải quyết diện tích 170,6m² đất (lô 6B) và căn nhà từ đường trên lô 2 (lô 2B theo Sơ đồ thửa đất phân chia và Trích đo địa chính thửa đất ngày 22/5/2019), về vụ án “*Tranh chấp tài sản thừa kế*” giữa nguyên đơn là ông Phạm Ngọc K với bị đơn là ông Phạm Ngọc P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- Vụ 9 VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng (kèm hồ sơ vụ án);
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Vụ Tổng hợp TANDTC;
- Trung tâm Tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, TP chủ tọa, Vụ GDKT II TANDTC (02 bản), hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hà